

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/ DS-ST

Ngày: 05 / 7 / 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ông Lê Thành Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị P, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 172D, khu phố 4, phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Hoàng Q, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp Phú T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà P có mặt, bà Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị P trình bày:

Bà P quen biết với bà Q là thông qua việc giao tiếp, nên vào ngày 07/10/2021 bà P có cho bà Q vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng thời hạn vay là 03 tháng, mục đích vay tiền để bà Q kinh doanh mua bán đất, khi vay tiền hai bên có lập hợp đồng vay tiền ngày 07/10/2021, có công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng Tâm, đồng thời khi giao số tiền 200.000.000 đồng thì hai bên có lập giấy giao nhận tiền cùng ngày 07/10/2021 thể hiện dưới mục bên giao tiền có chữ ký và ghi tên bà Phan Thị P là do bà P ký và viết tên, bên dưới mục

người nhận tiền có chữ ký và ghi tên Phan Hoàng Q do bà Q ký và viết tên. Lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/ tháng nhưng không ghi trong hợp đồng, bà Q đã đóng được 01 tháng lãi là 6.000.000 đồng, hết thời hạn vay bà Q không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Ngoài ra, bà Q có giao cho bà P giữ của bà Q một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Q ngày 28/6/2019, đối với thửa 323, tờ bản đồ 21, diện tích 505,5m², địa chỉ xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (việc giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi trong giấy giao nhận tiền đề ngày 07/10/2021). Việc bà Q giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này với mục đích để bà P tin tưởng khi cho bà Q vay tiền.

Hết hạn vay, bà P liên hệ qua số điện thoại của bà Q nhiều lần không được. Khi đến nhà bà Q theo địa chỉ ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thì cổng rào đóng. Vì vậy bà P không gặp được bà Q để trao đổi việc trả nợ. Do bà Q vi phạm hợp đồng nên bà P khởi kiện yêu cầu Quyên có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ gốc đã vay là 200.000.000 đồng, lãi suất là 1,66% / tháng, kể từ ngày 07/10/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án (nợ lãi tạm tính từ ngày 07/10/2021 đến ngày 06/01/2022 là 03 tháng với số tiền 9.960.000 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bà P có ý kiến chỉ yêu cầu bà Q trả số tiền nợ gốc đã vay là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi và sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giữ cho bà Q.

Tại phiên tòa bà P cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến nay không liên lạc được với bà Q và bà cũng không có thông tin của bà Q về việc đã thay đổi nơi cư trú. Bà P yêu cầu bà Q có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, bà P rút yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng từ ngày 07/10/2021 đến ngày xét xử và sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giữ cho bà Q.

Đối với bị đơn là bà Phan Hoàng Q mặc dù Tòa án đã thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và cũng không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, đối với bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử
Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P.

Buộc bà Phan Hoàng Q trả cho bà Phan Thị P số tiền nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P về việc yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng từ ngày 07/10/2021 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phan Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Hoàng Q trả số tiền nợ vay. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà P xác định vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Phan Hoàng Q là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn khởi kiện bà P đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Q trong hợp đồng hai bên xác lập ngày 07/10/2021, tại thời điểm giao kết hợp đồng bà Q sử dụng địa chỉ ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm để giao kết, thực hiện hợp đồng với bà P thì được coi là nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Bà Q có thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà P biết nơi cư trú mới của bà Q, thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là bà Phan Hoàng Q mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phan Thị P khởi kiện yêu cầu bà Phan Hoàng Q có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ gốc đã vay là 200.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 07/10/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án, mức lãi suất là 1,66% / tháng (nợ lãi tạm tính từ ngày 07/10/2021 đến ngày 06/01/2022 là 9.960.000 đồng). Tại phiên tòa bà P có ý kiến rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Q trả lãi của số tiền nợ gốc là

200.000.000 đồng từ ngày 07/10/2021 đến ngày xét xử, chỉ yêu cầu bà Q trả nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và có ý kiến sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Q.

[2.2] Đối với bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ về các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai, chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng bà Q vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

[2.3] Xét về tài liệu chứng cứ của nguyên đơn: bản sao hợp đồng vay tiền lập ngày 07/10/2021, giữa bên cho vay là Phan Thị P, bên vay là Phan Hoàng Q, số tiền bà P cho bà Q vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng Tâm và giấy giao nhận tiền ngày 07/10/2021 thể hiện bà P giao cho bà Q số tiền là 200.000.000 đồng dưới mục bên giao tiền có chữ ký và ghi tên bà Phan Thị P và bên dưới mục người nhận tiền có chữ ký và ghi tên Phan Hoàng Q. Từ đó có cơ sở xác định bà Q có vay của bà P số tiền 200.000.000 đồng. Do bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ, cần buộc bà Q có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[2.4] Hợp đồng vay tiền lập ngày 07/10/2021 giữa bà P và bà Q là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, nhưng lãi suất do hai bên tự thỏa thuận không ghi trong hợp đồng. Bà P cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, đã nhận lãi 01 tháng với số tiền là 6.000.000 đồng, mức lãi suất này là cao hơn so với quy định của pháp luật nhưng do bà Q vắng mặt không có ý kiến về việc yêu cầu tính lãi lại, đồng thời bà P cũng đã rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc bà Q vay là 200.000.000 đồng từ ngày 07/10/2021 cho đến ngày xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Do bà P rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Q trả lãi của số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng từ ngày 07/10/2021 đến ngày xét xử, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà P.

[2.6] Đối với Giấy chứng nhận số CR316607 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/6/2019 cho bà Phan Hoàng Q sinh năm 1987, đăng ký thường trú ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đối với thửa 323, tờ bản đồ 21, diện tích 505,5m², địa chỉ xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Hiện nay bà P đang giữ và bà có ý kiến trả lại cho bà Q, nhưng chưa trả nên bà P có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Q.

[3] Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền là $200.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.000.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 147, Điều 192, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị P.

Buộc bà Phan Hoàng Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị P số tiền nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P về việc yêu cầu bà Phan Hoàng Q trả lãi của số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng từ ngày 07/10/2021 đến ngày xét xử.

3. Bà Phan Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Phan Hoàng Q Giấy chứng nhận số CR316607 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/6/2019 cho bà Phan Hoàng Q sinh năm 1987, đăng ký thường trú ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đối với thửa 323, tờ bản đồ 21, diện tích 505,5 m², địa chỉ xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí:

Buộc bà Phan Hoàng Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Bà Phan Thị P không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.249.000 (năm triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004649 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ

